

## BÁO CÁO SƠ BỘ

### Kết quả khảo sát khu hệ động vật có vú, lưỡng cư và bò sát tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, tỉnh Gia Lai

Kính gửi: Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng.

Thực hiện nhiệm vụ khoa học thường niên đã được Ủy ban Phối hợp về Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga phê duyệt nhiệm vụ 1.15: “Nghiên cứu khu hệ thú nhỏ (Cát Tiên, Kon Chư Răng, Bidoup - Núi Bà)” và nhiệm vụ 1.16: “Nghiên cứu khu hệ lưỡng cư và bò sát (Cát Tiên, Kon Chư Răng, Bidoup - Núi Bà)”, được sự cho phép của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga đã cử đoàn cán bộ tiến hành khảo sát sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, từ ngày 9 tháng 8 đến ngày 26 tháng 8 năm 2022.

Sau khi kết thúc chuyến khảo sát, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga báo cáo sơ bộ kết quả như sau:

#### 1. Thành phần đoàn nghiên cứu

| TT | Họ và tên         | Học vị | Chuyên ngành      | Đơn vị                             | Số bộ chiếu   |
|----|-------------------|--------|-------------------|------------------------------------|---------------|
| 1  | 1// Đinh Thế Dũng | TS     | Động vật học      | Viện sinh thái ND/ TTND Việt - Nga |               |
| 2  | 2// Trần Hữu Côi  | TS     | Động Vật học      | Viện sinh thái ND/ TTND Việt - Nga |               |
| 3  | Yuzefovich A.P.   | ThS    | Động vật học      | Đại học Tổng hợp Moscow            | 76<br>4321131 |
| 4  | Yushchenko P.V.   | ThS    | Lưỡng cư – Bò sát | Đại học Tổng hợp Moscow            | 75<br>0053999 |
| 5  | Lái xe            |        |                   | Phòng HC-KT                        |               |

## 2. Địa điểm thực hiện

Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng (huyện K'Bang, tỉnh Gia Lai)

Toạ độ nghiên cứu:  $14^{\circ}28'22,15''$  N,  $108^{\circ}32'21,44''$  E; độ cao  $\sim 800$  m so với mực nước biển.

## 3. Phương pháp nghiên cứu

### 3.1. Phương pháp nghiên cứu khu hệ lưỡng cư và bò sát

Việc khảo sát khu hệ lưỡng cư và bò sát được thực hiện hàng ngày vào buổi tối (từ 18h00 đến 24h00) trong điều kiện thường xuyên có lượng mưa lớn và nhiệt độ môi trường trung bình  $19 - 20^{\circ}\text{C}$ . Việc khảo sát được thực hiện tại 3 khu vực chính:

1. Xung quanh trạm kiểm lâm (hồ, suối, đất nông nghiệp, rừng thông, khu vực rừng bị tác động);
2. Rừng núi với độ cao từ 900 – 1050 m so với mặt nước biển;
3. Xung quanh thác K50 dọc theo sông (suối, rừng với đa phần là núi, rừng tre) với độ cao từ 800 – 900 m so với mặt nước biển.

Bên cạnh đó, 02 bẫy đường bằng xô và hàng rào đã được đặt tại khu vực đất nông nghiệp gần trạm kiểm lâm và tại phụ lưu sông. Với tổng số bẫy là 196 bẫy/ngày.

Các loài lưỡng cư và bò sát được quan sát trực tiếp. Đồng thời khảo sát các khu vực sinh sản của động vật lưỡng cư (các vùng nước đọng, suối và Phytotelma). Các loài lưỡng cư và bò sát được ghi nhận bằng máy ảnh Nikon D-610 với ống kính macro Nikon AF-S Micro NIKKOR 105. Nhiệt độ và độ ẩm của môi trường được đo bằng nhiệt kế và ẩm kế điện tử.

Để nghiên cứu sự phát triển của các loài lưỡng cư, 20 hồ nước được tạo ra trên đường cắt ngang với chiều dài 300m, hồ nước nhân tạo với kích thước  $5 \times 3$  m đã được thiết lập.

Mặt khác để nghiên cứu cấu trúc quần thể loài rắn lục (*Trimeresurus vogeli*) phương pháp đánh dấu Petersen Lincoln, thả và bắt lại. Việc bắt, đánh dấu và thả rắn được thực hiện trên một đoạn đường dài khoảng 4 km chạy qua Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng.

### 3.2. Phương pháp nghiên cứu khu hệ thú nhỏ

Việc khảo sát khu hệ thú nhỏ được thực hiện bằng phương pháp khảo sát theo tuyến. Trong quá trình khảo sát theo tuyến, hình ảnh của động vật được ghi nhận bằng máy ảnh Nikon D7100. Ngoài ra các bẫy sống, bẫy cóc đã được sử dụng. Việc đặt bẫy sống phù hợp với các phương pháp tiêu chuẩn: Bẫy sống của Shchipanov được đặt trên nền đất hơi dốc và các chỗ lõm nhỏ dọc theo các thanh dẫn, chẳng hạn như các khúc gỗ bị đổ hoặc rễ cây lớn. Đối với bẫy sống của Việt Nam (bẫy lồng) được đặt dọc theo các bờ suối, gốc cây, trên cây đổ, cây leo với độ cao nhỏ hơn 3m. Các bẫy cóc được đặt trên các thảm mục, cỏ với các vách ngăn cao 10cm tạo đường dẫn. Các bẫy được kiểm tra vào buổi sáng (9h00 đến 13h00). Để bẫy dơi, 5 tấm lưới với các kích thước khác nhau đã được sử dụng vào mỗi buổi chiều tối (18h00 đến 23h00). Ngoài ra hoạt động của dơi cũng được ghi lại bằng cách sử dụng máy dò tín hiệu định vị bằng tiếng vang.

## 4. Kết quả

### 4.1. Khu hệ lưỡng cư và bò sát

Thời gian nghiên cứu được thực hiện trong mùa mưa, nên đã ghi nhận được nhiều loài lưỡng cư trong mùa sinh sản. Trong đó phần lớn các loài được ghi nhận với các giai đoạn phát triển khác nhau của nòng nọc cùng với các tín hiệu giao phối. Tổng cộng trong thời gian nghiên cứu, đã ghi nhận được 41 loài lưỡng cư và bò sát. Trong đó bao gồm 26 loài lưỡng cư thuộc bộ không đuôi, 9 loài thằn lằn và 6 loài rắn. Trong đó, 4 loài ếch (bao gồm: *Xenophrys truongsonensis*, *Feihyla* cf. *palpebralis*, *Rohanixalus* cf. *hansenae* và *Microhyla aurantiventris*), 1 loài thằn lằn (*Acanthosaura* sp.) và 1 loài rắn (*Psammodynastes pulverchareus*) lần đầu tiên được ghi nhận loài *Microhyla aurantiventris* đại diện cho khu vực rừng (Trạm Lập, tỉnh Gia Lai). Trong các đường bẫy, triển vọng nhất là đường bẫy số 2 nằm trên ranh giới của những bụi cỏ voi và khu vực rừng bị tác động (gần trạm kiểm lâm). Tình trạng phân loại của một số loài ếch và rắn cần được làm rõ thông qua việc sử dụng các phân tích hình thái và phân tử.

Để nghiên cứu sự phát triển của các loài lưỡng cư, cần bổ sung thêm số lượng các hồ, các hồ nhân tạo ở các sinh cảnh khác nhau và cần kiểm tra chúng thường xuyên.

Theo kết quả nghiên cứu ban đầu về cấu trúc quần thể của *Trimeresurus vogeli*, quần thể loài này chưa bị đe dọa bởi các yếu tố bên ngoài. Đã ghi nhận được các cá thể có giới tính và độ tuổi khác nhau, không bắt gặp lại những cá thể đã được đánh dấu. Tuy nhiên để có kết quả chính xác hơn cần có những nghiên cứu tiếp theo về cấu trúc quần thể của loài rắn lục này.

Cùng với kết quả nghiên cứu được thực hiện bởi Poyarkov N.A và Yushchenko P.V theo chuyến khảo sát của Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga vào thời gian từ 7/6 đến 24/6/2022, tổng số động vật lưỡng cư – bò sát của Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng đã lên tới 53 loài, trong đó 13 loài lần đầu tiên được ghi nhận có mặt tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng. Điều này cho thấy mức độ đa dạng về khu hệ động vật lưỡng cư – bò sát của Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng sẽ còn cao hơn nữa. Cần có thêm các nghiên cứu toàn diện về sự đa dạng, cấu trúc của các quần xã lưỡng cư – bò sát trong Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng và các khu vực lân cận thuộc vùng Tây Nguyên của Việt Nam. Ngoài ra cũng cần có những nghiên cứu về mối quan hệ sinh thái và mức độ hoạt động của các loài động vật bò sát trong khu vực.

Danh sách các loài lưỡng cư và bò sát đã bắt gặp trong hai chuyến khảo sát tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, được trình bày dưới đây.

| Stt | Tên khoa học                      | Tên Việt Nam        |
|-----|-----------------------------------|---------------------|
|     | AMPHIBIA                          | LỚP LƯỠNG CƯ        |
|     | ANURA                             | BỘ KHÔNG ĐUÔI       |
|     | BUFONIDAE                         | HỌ CỐC              |
| 1   | <i>Ingerophrynus galeatus</i>     | Cóc rừng            |
| 2   | <i>Duttaphrynus melanostictus</i> | Cóc nhà             |
|     | MEGOPHRYIDAE                      | HỌ CỐC Bùn          |
| 3   | <i>Ophryophryne hansi</i>         | Cóc núi hansi       |
| 4   | <i>Leptobrachella sp</i>          | -                   |
| 5 * | <i>Xenophrys truongsoneensis</i>  | Cóc sừng trường sơn |
|     | DICROGLOSSIDAE                    | HỌ ẾCH NHÁI THỰC    |
| 6   | <i>Limnonectes poilani</i>        | -                   |
| 7   | <i>Limnonectes kiziriani</i>      | -                   |

|      |                                         |                     |
|------|-----------------------------------------|---------------------|
| 8    | <i>Fejervarya limnocharis</i>           | Ngoé                |
|      | MICROHYLIDAE                            | HỌ NHÁI BẦU         |
| 9 *  | <i>Microhyla aurantiventris</i>         | -                   |
| 10   | <i>Microhyla daklakensis</i>            | -                   |
| 11   | <i>Microhyla berdmorei</i>              | -                   |
| 12   | <i>Microhyla butleri</i>                | Nhái bầu bút lơ     |
| 13 * | <i>Microhyla mukhlesuri</i>             | -                   |
|      | RANIDAE                                 | HỌ ÉCH NHÁI         |
| 14   | <i>Papurana attigua</i>                 | -                   |
| 15   | <i>Odorrana banaorum</i>                | Ếch xanh bana       |
| 16   | <i>Amolops spinopectoralis</i>          | Ếch lưng gai        |
| 17   | <i>Rana johnsi</i>                      | Hiu hiu             |
| 18   | <i>Sylvirana annamitica</i>             | -                   |
|      | RHACOPHORIDAE                           | HỌ ÉCH CÂY          |
| 19   | <i>Kurixalus banaensis</i>              | Nhái cây bà nà      |
| 20   | <i>Polypedates cf. megacephalus</i>     | Ếch cây mép trắng   |
| 21   | <i>Polypedates cf. mutus</i>            | -                   |
| 22   | <i>Rhacophorus annamensis</i>           | Ếch cây trung bộ    |
| 23   | <i>Rhacophorus rhodopus</i>             | Ếch cây boi màng đỏ |
| 24   | <i>Rhacophorus robertingeri</i>         | Ếch cây cựa         |
| 25*  | <i>Rhacophorus kio</i>                  | -                   |
| 26   | <i>Theloderma auratum</i>               | -                   |
| 27*  | <i>Feihyla cf. palpebralis</i>          | Nhái cây mí         |
| 28*  | <i>Rohanixalus hansenae</i>             | -                   |
| 29   | <i>Philautus abditus</i>                | Nhái cây đốm ẩn     |
|      | REPTILIA                                | LỚP BÒ SÁT          |
|      | SAURIA*                                 | THẦN LẦN            |
|      | AGAMIDAE                                | HỌ NHÔNG            |
| 30   | <i>Acanthosaura nataliae</i>            | -                   |
| 31 * | <i>Acanthosaura sp.</i>                 | Nhông vảy           |
| 32   | <i>Draco maculatus</i>                  | Thần lần bay đốm    |
| 33   | <i>Physignathus cocincinus</i>          | Rồng đất            |
| 34   | <i>Bronchocela cf. smaragdina</i>       | -                   |
| 35 * | <i>Calotes cf. bachae</i>               | Nhông xám nam bộ    |
|      | GEKKONIDAE                              | HỌ TẮC KÈ           |
| 36   | <i>Gekko gecko</i>                      | Tắc kè              |
| 37   | <i>Hemidactylus frenatus</i>            | Thạch sùng          |
| 38   | <i>Cyrtodactylus cf. gialaiensis</i>    | -                   |
| 39   | <i>Cyrtodactylus cf. taynguyenensis</i> | -                   |
|      | LACERTIDAE                              | HỌ THẦN LẦN         |
| 40   | <i>Takydromus sexlineatus</i>           | Liu điu chỉ         |
|      | SCINCIDAE                               | HỌ THẦN LẦN BÓNG    |

|     |                                     |                        |
|-----|-------------------------------------|------------------------|
| 41  | <i>Sphenomorphus cf. sheai</i>      | Thằn lằn phê – nô shea |
| 42  | <i>Sphenomorphus indicus</i>        | -                      |
| 43  | <i>Sphenomorphus cf. buenloicus</i> | -                      |
| 44  | <i>Scincella sp.</i>                | -                      |
|     | SERPENTES                           | RẮN                    |
|     | COLUBRIDAE                          | HỌ RẮN NƯỚC            |
| 45  | <i>Ahaetulla prasina</i>            | Rắn roi thường         |
| 46* | <i>Boiga guangxiensis</i>           | -                      |
| 47* | <i>Oligodon cf. culaochamensis</i>  | -                      |
| 48* | <i>Lycodon paucifasciatus</i>       | -                      |
| 49* | <i>Coelognathus flavolineatus</i>   | -                      |
|     | NATRICIDAE                          | HỌ NATRICIDAE          |
| 50  | <i>Rhabdophis siamensis</i>         | -                      |
|     | LAMPROPHIIDAE                       | HỌ LAMPROPHIIDAE       |
| 51* | <i>Psammodynastes pulverulentus</i> | Rắn hổ mang đất nâu    |
|     | VIPERIDAE                           | HỌ RẮN LỤC             |
| 52  | <i>Ovophis cf. monticola</i>        | Rắn lục núi            |
| 53  | <i>Trimeresurus vogeli</i>          | -                      |

Ghi chú: Tên Việt Nam chỉ mang tính chất tham khảo; \*: Loài lần đầu ghi nhận tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng

#### 4.2. Khu hệ động vật có vú

Với tổng số 18 ngày thực hiện khảo sát, trong điều kiện bắt đầu vào mùa mưa đã ảnh hưởng không nhỏ đến tần suất bắt gặp trong quá trình khảo sát theo tuyến. Đồng thời nó cũng ảnh hưởng đến việc đặt bẫy, kiểm tra bẫy và những kết quả thu được. Hệ động vật có vú của Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng rất phong phú và đa dạng, nhiều loài được ghi nhận lần đầu tiên tại khu vực Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng nói riêng và Tây Nguyên nói chung thông qua các chuyến khảo sát.

Trong quá trình khảo sát theo tuyến đã ghi nhận được sự có mặt của cu li nhỏ (*Nycticebus pygmaeus*), Cầy vòi mốc (*Paguma larvata*), cầy (*Melogale sp.*) sóc bay bé (*Hylopetes spadiceus*), chuột núi (*leopodalmys sp.*) và chuột nhắt cây (*Chiropodomys gliroides*).

Đối với việc đặt bẫy ảnh với tổng số 5 bẫy được đặt 16 ngày liên tục đã ghi nhận được hình ảnh của 4 loài động vật có vú cùng với những tập tính hoạt động của chúng. Trong đó có 01 loài thuộc giống chồn (*Melogale sp.*), loài 2 loài thuộc bộ

gặm nhấm (sóc bụng đỏ - *Callosciurus erythraeus* và giống chuột cây - *chiromyscus* sp.) và loài dơi - *Tupaia belangeri* thuộc bộ nhiều răng.

30 bẫy sống được đặt ở 3 tuyến (mỗi tuyến 10 bẫy) cắt ngang các sinh cảnh khác nhau, đã ghi nhận được 05 loài gặm nhấm trong đó 01 loài thuộc họ sóc (Sciuridae), 02 loài thuộc họ sóc cây (Callosciurinae) và 02 loài thuộc họ chuột (Muridae). Bên cạnh đó cũng xác định được sự có mặt của 02 loài thuộc bộ thú ăn côn trùng.

Đối với dơi đã ghi nhận được 17 loài trong đó có 11 loài lần đầu tiên ghi nhận tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng và đáng chú ý là 3 loài: *Rousettus leschenaultii*, *Rousettus luctus* và *Miniopterus fuliginosus*, lần đầu tiên ghi nhận trên cao nguyên Gia Lai – Kon Tum. Riêng khu vực thác K50 với đặc điểm các hang động, hốc đá gần thác, khu hệ động vật không đặc trưng cho những vùng khác của khu bảo tồn, và bao gồm ít nhất 7 loài. Tình trạng phân loại và xác định một số loài dơi đòi hỏi tiếp tục nghiên cứu chi tiết về hình thái và phân tích các dữ liệu di truyền phân tử.

Từ những kết quả thu được trong thời gian khảo sát cùng với kết quả khảo sát của Trung tâm Nhiệt đới Việt – Nga từ 7/06/2022 đến 24/06/2022, với những đặc điểm hình thái đã ghi nhận được tổng số 42 loài động vật có vú, kết quả được trình bày dưới đây:

Danh mục các loài động vật có vú tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng

| Stt | Tên khoa học                    | Tên Việt Nam       |
|-----|---------------------------------|--------------------|
|     | SCANDENTIA                      | BỘ NHIỀU RĂNG      |
|     | TUPAIIDAE                       | HỌ ĐÔI             |
| 1   | <i>Tupaia belangeri</i>         | Đôi                |
|     | PRIMATES                        | BỘ LINH TRƯỞNG     |
|     | LORIDAE                         | HỌ CU LI           |
| 2   | <i>Nycticebus pygmaeus</i>      | Cu li nhỏ          |
|     | SORICOMORPHA                    | BỘ ĂN SÂU BỌ       |
|     | SORICIDAE                       | HỌ CHUỘT CHÙ       |
| 3   | <i>Crocidura cf. attenuata</i>  | Chuột chù đuôi đen |
| 4   | <i>Crocidura cf. phanluongi</i> | -                  |
| 5   | <i>Crocidura tanakae</i>        | -                  |
|     | TALPINAE                        | HỌ CHUỘT CHỮI      |

|    |                                          |                       |
|----|------------------------------------------|-----------------------|
| 6  | <i>Euroscaptor parvidens</i>             | Chuột chũi răng nhỏ   |
|    | CHIROPTERA                               | BỘ DỜI                |
|    | PTEROPODIDAE                             | HỌ DỜI QUẢ            |
| 7  | <i>Rousettus leschenaulti</i>            | Dơi cáo nâu           |
| 8  | <i>Macroglossus sobrinus</i>             | Dơi ăn mật hoa lớn    |
|    | RHINOLOPHIDAE                            | HỌ DỜI LÁ MŨI         |
| 9  | <i>Rhinolophus luctus</i>                | Dơi lá lớn            |
| 10 | <i>Rhinolophus cf. luctus</i>            | Dơi lá lớn            |
| 11 | <i>Rhinolophus affinis</i>               | Dơi lá đuôi           |
| 12 | <i>Rhinolophus pearsonii</i>             | Dơi lá mũi péc – xôn  |
| 13 | <i>Rhinolophus cf. Pusillus</i>          | Dơi lá mũi nhỏ        |
|    | HIPPOSIDERIDAE                           | DỜI NẾP MŨI           |
| 14 | <i>Hipposideros gentilis</i>             | Dơi nếp mũi nâu       |
| 15 | <i>Hipposideros cf. gentilis</i>         | Dơi nếp mũi nâu       |
|    | VESPERTILIONIDAE                         | HỌ DỜI MUỖI           |
| 16 | <i>Miniopterus cf. fuliginosus</i>       | Dơi cánh dài châu á   |
| 17 | <i>Pipistrellus javanicus</i>            | Dơi muỗi xám          |
| 18 | <i>Murina eleryi</i>                     | -                     |
| 19 | <i>Murina huttoni</i>                    | Dơi mũi ống nhỏ       |
| 20 | <i>Harpiocephalus harpia</i>             | Dơi mũi ống cánh lông |
| 21 | <i>Myotis rufoniger</i>                  | -                     |
| 22 | <i>Myotis siligorensis alticrantatus</i> | Dơi tai sọ cao        |
| 23 | <i>Scotomanes ornatus</i>                | Dơi đốm hoa           |
|    | CARNIVORA                                | BỘ ĂN THỊT            |
|    | MUSTELIDAE                               | HỌ CHỒN               |
| 24 | <i>Mustela cf. kathiah</i>               | Triết bụng vàng       |
| 25 | <i>Melogale sp.</i>                      | -                     |
| 26 | <i>Melogale cf. personata</i>            | Chồn bạc má nam       |
|    | VIVERRIDAE                               | HỌ CÂY                |
| 27 | <i>Paguma larvata</i>                    | Cây vôi mốc           |
|    | RODENTIA                                 | BỘ Gặm Nhấm           |
|    | SCIURIDAE                                | HỌ SÓC                |
| 28 | <i>Hylopetes spadiceus</i>               | Sóc bay bé            |
| 29 | <i>Hylopetes alboniger</i>               | Sóc bay đen trắng     |
|    | CALLOSCIURINAE                           | PHÂN Họ Sóc Cây       |
| 30 | <i>Callosciurus erythraeus</i>           | Sóc bụng đỏ           |
| 31 | <i>Dremomys rufigenis</i>                | Sóc mõm hung          |
| 32 | <i>Menetes berdmorei</i>                 | Sóc vằn lưng          |
| 33 | <i>Tamiasops maritimus</i>               | Sóc chuột hải nam     |
|    | MURIDAE                                  | HỌ Chuột              |
| 34 | <i>Chiromyscus gliroides</i>             | Chuột nhắt cây        |
| 35 | <i>Leopoldamys revertens</i>             | -                     |

|    |                              |                      |
|----|------------------------------|----------------------|
| 36 | <i>Leopoldamys sp.</i>       | Chuột núi            |
| 37 | <i>Chiromycus langbianis</i> | Chuột Lang-bi-an     |
| 38 | <i>Niviventer mekongis</i>   | Chuột Mê Kông        |
| 39 | <i>Niviventer tenaster</i>   | Chuột núi đông dương |
| 40 | <i>Maxomys surifer</i>       | Chuột xu rì          |
| 41 | <i>Maxomys moi</i>           | Chuột xu rì lông mềm |
| 42 | <i>Rattus nitidus</i>        | Chuột bóng           |

Ghi chú: Tên Việt Nam chỉ mang tính chất tham khảo

## 5. Kết luận

Được sự đồng ý, tạo điều kiện giúp đỡ và quan tâm của Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, đoàn cán bộ nghiên cứu khoa học của Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga đã thực hiện khảo sát sơ bộ về khu hệ động vật có vú và lưỡng cư – bò sát theo kế hoạch. Tuy nhiên, chuyến khảo sát được diễn ra trong thời gian ngắn, chưa phản ánh hết sự đa dạng của khu hệ động vật của rừng. Cần có những chuyến khảo sát bổ sung để khẳng định sự đa dạng sinh học cho Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng nói riêng và khu vực Tây Nguyên nói chung.

Qua đây, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga xin chân thành cảm ơn Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng đã hỗ trợ, giúp đỡ cho đoàn công tác hoàn thành tốt nhiệm vụ.

## 6. Kiến nghị

Để tiếp tục các nghiên cứu sâu về đa dạng sinh học, cấu trúc quần xã, quần thể động vật có vú và động vật lưỡng cư – bò sát tại Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng, Trung tâm Nhiệt đới Việt - Nga đề nghị Ban quản lý Khu bảo tồn thiên nhiên Kon Chư Răng tiếp tục ủng hộ và tạo điều kiện trong thời gian tới.

### Nơi nhận:

- Như trên;
- P.CT, P.KHKH;
- Lưu: VT, VST. D5.

TL. TỔNG GIÁM ĐỐC

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN SINH THÁI NHIỆT ĐỚI



Đại tá Nguyễn Đăng Hội